TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 02/2022/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 04 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 02 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 82/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: 1/ Bà Lê Thị P, sinh năm 1957.

2/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự về số tiền trả, thời gian trả và án phí cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị P tự nguyện trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền vay gốc còn nợ là 55.000.000đồng *(Năm mươi lăm triệu đồng)*, phần tiền lãi ông T không yêu cầu. Ngoài ra ông T không yêu cầu gì thêm.

Thời gian trả tiền: Ông Nguyễn Quang T với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị P tự nguyện thỏa thuận thời gian ông T, bà P trả tiền cho ông T do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quang T tự nguyện nộp số tiền án phí là 687.500đồng *(Sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*.

- Ông Nguyễn Văn T với bà Lê Thị P tự nguyện nộp số tiền án phí là 687.500đồng *(Sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).* Nhưng do ông T và bà P thuộc diện được miễn án phí (Người cao tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông bà được miễn nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 09 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Liên